TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HSST
Ngày 10 tháng 12 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình và bà Nguyễn Thị Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Hưởng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2025/TLST - HS ngày 06 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: ường; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 28/6/1993, tại tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; Nơi cư trú: B, phường E, tỉnh Đắk Lắk**;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Quang Đ (đã chết) và Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960; Bị cáo có vợ là Lê Thị Quỳnh T, sinh năm 1994 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2019; Tiền sự; tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 04/02/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 38/HSPT, chấp hành án tại Trại giam Đắk Tân, Bộ Công an, đến ngày 18/7/2022 chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2025 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam Buôn Ma Thuột – Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Đắk Lắk (Bị cáo có mặt)

2. Họ và tên: Phạm Thị Kim T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/2/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Số nhà M Nguyễn Hữu T, phường T, tỉnh Đắk Lắk**;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Phạm Văn K1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị K2, sinh năm: 1969; Bị cáo có chồng là Trần Hữu L, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự; tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2025 đến ngày 29/8/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. (Bị cáo có mặt)

Bị hại: Anh Hoàng T1**,** sinh năm: 1981 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Quang A, sinh năm 2000 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Số nhà M Nguyễn Hữu T, phường T, tỉnh Đắk Lắk
2. Chị Phan Thị D, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn N, phường K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI D CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 28/5/2025, Tr điều khiển xe mô tô biển số 47B3-138.97 (thuê của ông Lê Quốc C, sinh năm 1995, nơi thường trú: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Đắk Lắk) chở Phạm Thị Kim T đi trên đường Tỉnh lộ 1, thuộc thôn H, xã N, tỉnh Đắk Lắk, thấy tại sân nhà bà Trần Thị Ng đang phơi hồ tiêu ngoài sân (số tiêu trên của ông Hoàng T1 phơi tại sân nhà của bà Ng là mẹ đẻ của ông T1). Lúc này, Tr nói với T: *"Nhà này phơi tiêu khả năng chưa khô nên tối vẫn để ngoài sân"* và rủ T đợi đến tối sẽ cùng nhau trộm cắp tiêu mang bán thì T đồng ý. Sau đó, Tr và T đi về nhà trọ tại: số B Thủ Khoa Huân, phường K, tỉnh Đắk Lắk, chuẩn bị công cụ để đi trộm cắp. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Tr điều khiển xe mô tô biển số 47B3- 138.97 chở T đi từ phòng trọ đến nhà bà Ng. Đến nơi, Tr dừng xe trước nhà, thấy cổng nhà đã đóng và đèn điện trong nhà đã tắt nên Tr xuống xe, còn T thì ngồi trên xe để cảnh giới, Tr thấy cổng bị khóa nên lấy kìm cộng lực mang theo cắt ổ khóa cổng. Sau khi mở được cửa cổng Tr đi theo đường luồng ra phía sau khu vực nhà kho, Tr mở cửa đi vào bên trong thấy có nhiều bao màu trắng đựng hồ tiêu, nên lén lút vác các bao tiêu đi từ nhà kho ra vị trí xe mô tô nơi T đang đợi. T và Tr đã trộm cắp được tổng cộng là 10 bao tiêu rồi mang về nhà trọ cất dấu.

Đến khoảng 06 giờ ngày 29/5/2025, Tr và T đã đổ dồn số tiêu trộm cắp được vào 5 bao tải lớn hơn rồi cả hai thuê xe tải (chưa rõ biển số xe và nhân thân lai lịch người lái xe) chở đến tiệm thu mua nông sản K tại địa chỉ: Thôn V, phường K, tỉnh Đắk Lắk do chị Phan Thị D là người quản lý để bán. Chị D đã cân tổng số 5 bao tiêu trên có trọng lượng là 315 kg và trả cho T số tiền 46.620.000 đồng *(Chị D trả tiền mặt là 6.620.000 đồng và chuyển khoản 40.000.000 đồng vào tài khoản của T).*

Tại bản kết luận định giá tài sản số 489/KL-HĐĐG ngày 26/9/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Tổng giá trị của 315 kg hạt tiêu khô loại tiêu Trâu là **46.620.000** đồng *(Bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).*

Vật chứng thu giữ gồm: 01 ổ khóa số màu đen, có chữ Master PROSERIES (không bị hư hỏng); 01 ổ khóa màu đen, có chữ MK HANOI (bị cạy phá, đã hư hỏng); 01 đĩa CD.

Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Hoàng T1 là chủ sở hữu 01 ổ khóa số màu đen, có chữ Master PROSERIES (không bị hư hỏng); 01 ổ khóa màu đen, có chữ MK HANOI (bị cạy phá, đã hư hỏng).

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Ngọc Tr và Phạm Thị Kim T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội D bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Tr và Phạm Thị Kim T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Tr từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim T từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Hoàng T1 là chủ sở hữu 01 ổ khóa số màu đen, có chữ Master PROSERIES (không bị hư hỏng); 01 ổ khóa màu đen, có chữ MK HANOI (bị cạy phá, đã hư hỏng).

Về TNDS: Buộc bị cáo Trần Ngọc Tr phải bồi thường cho bị hại anh Hoàng T1 số tiền còn lại là 23.320.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, của bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan, phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, như vậy có căn cứ xác định: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/5/2025 tại nhà bà Trần Thị Ng thuộc thôn Hòa Nam 1, xã Ea Nuôl, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Trần Ngọc Tr và Phạm Thị Kim T đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Hoàng T1 315 kg hạt tiêu trị giá 46.620.000 đồng *(Bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)*. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Xét thấy đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, khi thực hiện hành vi phạm tội có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức để điều khiển hành vi của mình, song với ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu sài nhưng lười lao động, khi thấy chủ sở hữu sơ hở mất cảnh giác nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên vai trò của từng bị cáo trong vụ án có khác nhau nên cần đánh giá, xem xét khi lượng hình.

Đối với bị cáo Trần Ngọc Tr là người có vai trò chính trong vụ án, bị cáo khởi xướng, rủ bị cáo T cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, trực tiếp phá khóa và vào nhà bị hại để trộm cắp các bao tiêu rồi cùng với bị cáo T đem đi bán. Mặt khác bị cáo có nhân thân xấu, ngày 04/02/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", sau khi ra tù không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với Phạm Thị Kim T khi được ường rủ đi trộm cắp đã đồng ý, bị cáo đã giúp sức tích cực cho Tr, là người cảnh giới, vận chuyển các bao tiêu đem đi cất dấu và đem đi bán. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo T đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Trần Ngọc Tr là người dân tộc thiểu số nên nhận thức có phần hạn chế. Đây là các tình tiết

giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo Trần Ngọc Tr ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tôn trọng pháp luật và tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của người khác và cũng nhằm mục đích đấu tranh phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phạm Thị Kim T, xét thấy có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội và giao bị cáo về cho chính quyền địa phương và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội, có ý thức tôn trọng pháp luật và cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Hoàng T1 là chủ sở hữu 01 ổ khóa số màu đen, có chữ Master PROSERIES (không bị hư hỏng); 01 ổ khóa màu đen, có chữ MK HANOI (bị cạy phá, đã hư hỏng) là phù hợp.

Đối với chiếc kìm cộng lực mà các bị cáo sử dụng trong quá trình trộm cắp tài sản, quá trình điều tra không thu giữ được nên không xem xét xử lý.

- Về TNDS: Buộc bị cáo Trần Ngọc Tr phải bồi thường cho bị hại anh Hoàng T1 số tiền còn lại là 23.320.000đ.

Đối với 01 ổ khóa màu đen, có chữ MK HANOI (bị cạy phá, đã hư hỏng) bị hại anh Hoàng T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với 315 kg hạt tiêu các bị can trộm cắp được là vật chứng của vụ án. Sau khi T bán tiêu cho chị D, chị D đã nhập số tiêu trên vào kho chung của cửa hàng và đã bán hết nên không thu hồi trả lại cho bị hại anh Hoàng T1 được.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Trần Ngọc Tr** và **Phạm Thị Kim T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc Tr 02** năm tù**.** Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt tạm giam ngày 01/8/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm

2017. Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Kim T 01** năm **06** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Kim T về cho UBND phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo thường trú để theo dõi giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Tr hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tr hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

[3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015; khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015.

- Về vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Hoàng T1 là chủ sở hữu 01 ổ khóa số màu đen, có chữ Master PROSERIES (không bị hư hỏng); 01 ổ khóa màu đen, có chữ MK HANOI (bị cạy phá, đã hư hỏng).

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc Tr phải bồi thường cho bị hại anh Hoàng T1 số tiền còn lại là **23.320.000đ** *(Hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).*

Đối với 01 ổ khóa màu đen, có chữ MK HANOI (bị cạy phá, đã hư hỏng) bị hại anh Hoàng T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Trần Ngọc Tr và Phạm Thị Kim T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Ngọc Tr phải chịu 1.166.000đ án phí DS có giá ngạch.

[5] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2, Đắk Lắk
- Công an tỉnh Đắk Lắk
- Tòa án tỉnh Đắk Lắk
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk
- Phòng THADS khu vực 2, Đắk Lắk
- Thi hành án HS
- Các đương sự

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên